

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

Bản án số: 75/2024/DS-PT

Ngày: 27 - 9 - 2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Ngô Thị Trang**.

Các Thẩm phán: Bà **Trần Thị Dịu**;

Bà **Phạm Thị Anh Trang**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Phó Hà Vy** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Hồng Yến** - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 57/2024/TLPT-DS ngày 31 tháng 7 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 30/2024/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 78/2024/QĐ-PT ngày 27 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2024/QĐ-PT ngày 05 tháng 9 năm 2024, Thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên tòa 38/TB-TA ngày 17/9/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng N**.

Địa chỉ: Số H, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Toàn V** - Chức vụ: Tổng giám

độc Ngân hàng N.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Can T**, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh P, Ninh Thuận (theo Quyết định số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022 của Người đại diện theo pháp luật - Tổng Giám đốc Ngân hàng N về ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Can Trường: Bà **Phan Thị Cẩm H**, chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách pháp chế của Ngân hàng N - chi nhánh thành phố P, Ninh Thuận (theo Giấy ủy quyền số 331/QĐ-NHNoNT-PR ngày 03/6/2024 của Ngân hàng N - Chi nhánh thành phố P, Ninh Thuận). Có mặt.

Địa chỉ: Số H, đường T, phường M, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

2. *Bị đơn:* 1. Bà **Nguyễn Thị T1**, sinh năm 1952; Có mặt.

2. Ông **Phan Trọng H1**, sinh năm 1951. Có đơn xin vắng mặt

Cùng địa chỉ: Số A đường N, khu phố C, phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Phan Trọng Q, sinh năm 1981; Vắng mặt.

2. Ông Phan Trọng Anh T2, sinh năm 1989; Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số A đường N, khu phố C, phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

4. *Người kháng cáo:* Ông **Phan Trọng H1** là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Phan Trọng H1, bà Nguyễn Thị T1 có vay tiền tại Ngân hàng N (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) theo hợp đồng tín dụng số 4902-LAV-202000713 ký ngày 08/05/2020, số tiền vay 760.000.000 đồng, thời hạn vay 96 tháng, mục đích chuyển trả tiền xây dựng nhà ở, lãi suất trong hạn tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng 12,50%/năm trên nợ gốc, lãi suất hiện nay 12%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; Tính đến ngày 20/6/2024 bà T1, ông H1 còn nợ Ngân hàng số tiền là 829.313.375 đồng (bằng chữ: Tám trăm hai mươi chín triệu ba trăm mười ba nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng). Trong đó: 646.000.000 đồng tiền gốc và 183.313.375 đồng tiền lãi. Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ cho khoản vay, hộ ông Phan Trọng H1 gồm các thành viên ông Phan Trọng H1, bà Nguyễn Thị T1, anh Phan Trọng Q, anh Phan Trọng Anh T2 đã thế chấp quyền sử dụng

đất là thửa đất số 59, tờ bản đồ số 29, tọa lạc tại phường Đài Sơn, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 451048, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H00780 do Ủy ban nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm cấp ngày 25/01/2008 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 83/HĐTC ngày 07/05/2020.

Do bà T1, ông H1 không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết theo hợp đồng tín dụng, nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc bà Nguyễn Thị T1 và ông Phan Trọng H1, phải trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ của hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày 20/06/2024: 829.313.375 đồng (*bằng chữ: Tám trăm hai mươi chín triệu ba trăm mười ba nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng*). Trong đó: 646.000.000 đồng tiền gốc và 183.313.375 đồng tiền lãi và lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi bà Nguyễn Thị T1 và ông Phan Trọng H1 thanh toán hết khoản nợ vay.

- Buộc bà Nguyễn Thị T1, ông Phan Trọng H1, anh Phan Trọng Q và anh Phan Trọng Anh T2 tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 83/HĐTC ngày 07/05/2020 đã được ký kết với Ngân hàng để bảo đảm thi hành án.

Trong trường hợp bà Nguyễn Thị T1, ông Phan Trọng H1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp bảo đảm để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 83/HĐTC ngày 07/05/2020 là: Thửa đất số 59, tờ bản đồ số 29, tọa lạc tại phường Đài Sơn, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 451048, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H00780 do Ủy ban nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm cấp ngày 25/01/2008 cho hộ ông Phan Trọng H1.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn ông Phan Trọng H1: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông H1 không có văn bản trình bày ý kiến. Tại phiên tòa sơ thẩm ông H1 trình bày: đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T1: Quá trình Tòa án sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bà T1 không làm bản trình bày ý kiến.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phan Trọng Q trình bày tại bản khai ngày 18/01/2024, biên bản lấy lời khai ngày 13/3/2024 như sau:

Anh là con trai của bà T1 và ông H1, là anh trai của Phan Trọng Anh T2. Anh có biết về việc bà T1, ông H1 ký với Ngân hàng hợp đồng tín dụng số 4902-LAV-202000713 ngày 08/5/2020 để vay số tiền 760.000.000 đồng, mục đích để

chuyển trả tiền xây dựng nhà ở. Để đảm bảo cho khoản vay trên thì anh, bà Nguyễn Thị T1, ông Phan Trọng H1 và Phan Trọng Anh T2 có thể chấp quyền sử dụng đất theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 83/HĐTC ngày 07/5/2020. Do có khó khăn về kinh tế nên ông H1, bà T1 chưa trả nợ cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng khởi kiện bà T1, ông H1 đối với tranh chấp hợp đồng tín dụng số 4902-LAV-202000713 ngày 08/5/2020 thì anh không có ý kiến gì đối với yêu cầu trên. Anh đồng ý tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 83/HĐTC ngày 07/5/2020 đã ký kết với Ngân hàng để đảm bảo thi hành án cho các khoản nợ vay và lãi suất của bà T1, ông H1 đối với hợp đồng tín dụng nêu trên. Nếu bà T1, ông H1 không trả được nợ cho Ngân hàng thì anh đồng ý để Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên phát mãi tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để thu hồi nợ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phan Trọng Anh T2: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh T2 không làm bản trình bày ý kiến.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 30/2024/DS-ST ngày 20/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận quyết định:

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, 161, điểm b khoản 2 Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 357, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 16 Điều 4 và Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

Buộc bà Nguyễn Thị T1 và ông Phan Trọng H1 trả nợ cho Ngân hàng N số tiền còn nợ tính đến ngày 20/6/2024 là: 829.313.375 đồng (bằng chữ: Tám trăm hai mươi chín triệu ba trăm mười ba nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng). Trong đó nợ gốc là 646.000.000 đồng, nợ lãi 183.313.375 đồng (lãi trong hạn 156.717.831 đồng, lãi quá hạn 26.595.544 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/6/2024), bà Nguyễn Thị T1 và ông Phan Trọng H1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 4902-LAV-202000713 ký ngày 08/05/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Buộc ông Phan Trọng H1, bà Nguyễn Thị T1, anh Phan Trọng Q và anh Phan Trọng Anh T2 tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp số 83/HĐTC ngày 07/05/2020 để thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Trường hợp bà Nguyễn Thị T1 và ông Phan Trọng H1 không thực hiện nghĩa

vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng N có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 83/HĐTC ngày 07/05/2020 là tài sản sau đây để thu hồi nợ: Thửa đất số 59, tờ bản đồ 29 tọa lạc tại phường Đài Sơn, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 451048, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H00780 do Ủy ban nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm cấp ngày 25/01/2008 cho hộ ông Phan Trọng H1.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Nguyễn Thị T1 và ông Phan Trọng H1 phải nộp chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) để hoàn trả cho N.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và điều kiện thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 20/6/2024, bị đơn ông Phan Trọng H1 có đơn kháng cáo với nội dung như sau: *Ông không đồng ý với mức lãi suất quá hạn 150%; Không đồng ý về việc Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu ông trả nợ vì thời hạn trong hợp đồng vay đến ngày 05/5/2028 mới hết. Ông H1 thuộc trường hợp người cao tuổi nhưng không được Tòa án cấp sơ thẩm giảm án phí và miễn nộp tiền tạm ứng án phí.*

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tranh luận: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn bà Nguyễn Thị T1 tranh luận: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H1.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn về việc miễn án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm; Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 30/2024/DS-ST ngày 20/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Căn cứ kết quả xét hỏi công khai tại phiên tòa.

Sau khi Hội đồng xét xử phúc thẩm nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ngày 03 tháng 7 năm 2024 bị đơn ông Phan Trọng H nộp đơn kháng cáo là còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm: bị đơn kháng cáo ông Phan Trọng H1 có đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Trọng Q, Phan Trọng Anh T2 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[1.3] Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn ông Phan Trọng H1 không rút yêu cầu kháng cáo.

[2] Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết của vụ án “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” là có căn cứ.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét nội dung kháng cáo: *Không đồng ý với mức lãi suất quá hạn 150%; Không đồng ý về việc Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu trả nợ vì thời hạn trong hợp đồng vay đến ngày 05/5/2028 mới hết.*

[3.1.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng trình bày: Ngân hàng và bà T1, ông H1 có ký kết: Hợp đồng tín dụng số 4902-LAV-202000713 ngày 08/05/2020: số tiền vay 760.000.000 đồng, thời hạn cho vay 96 tháng kể từ ngày ký đến ngày 05/5/2028, mục đích vay là chuyển trả tiền xây dựng nhà ở; lãi suất trong hạn tại thời điểm ký Hợp đồng tín dụng 12,50%/năm trên nợ gốc, lãi suất hiện nay 12%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng bà T1, ông H1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng: Từ ngày 08/11/2022 không thanh toán tiền gốc và lãi cho Ngân hàng theo thỏa thuận. Vì vậy, Ngân hàng đã căn cứ điểm 5 Điều 5 của Hợp đồng tín dụng số 4902-LAV-202000713 chuyển sang nợ quá hạn toàn bộ dư nợ gốc, lãi đến hạn mà ông H1 bà T1 chưa thanh toán. Tính đến ngày 20/6/2024, bà T1, ông H1 còn nợ Ngân hàng N số tiền: 829.313.375 đồng, trong đó gồm: tiền nợ gốc 646.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 156.717.831 đồng, lãi quá hạn 26.595.544 đồng.

[3.1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị T1 trình bày: vợ chồng bà có ký kết hợp đồng vay tiền của Ngân hàng ngày 08/05/2020 với số tiền 760.000.000 đồng và đã nhận đủ tiền vay từ Ngân hàng. Từ tháng 11/2022, vợ

chồng bà khó khăn nên không có tiền để trả cho Ngân hàng. Bà đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ nhưng đề nghị Ngân hàng có thể giảm lãi suất cho vợ chồng bà.

[3.1.3] Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Hợp tín dụng số 4902-LAV-202000713 ngày 08/05/2020: buộc bị đơn phải trả cho Ngân hàng số tiền: 829.313.375 đồng, trong đó gồm: tiền nợ gốc 646.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 156.717.831 đồng, lãi quá hạn 26.595.544 đồng là phù hợp. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo: *không đồng ý với mức lãi suất quá hạn 150%, không đồng ý về việc Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu trả nợ vì thời hạn trong hợp đồng vay đến ngày 05/5/2028 mới hết.*

[3.2] Xét nội dung kháng cáo: *ông H1 là người cao tuổi nhưng không được Tòa án cấp sơ thẩm giảm án phí và miễn nộp tiền tạm ứng án phí.*

[3.2.1] Theo căn cứ công dân ông Phan Trọng H1 sinh năm 1951, bà Nguyễn Thị T1 sinh năm 1952 là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án nhưng tại giai đoạn sơ thẩm, ông H1, bà T1 không làm đơn đề nghị được miễn án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị quyết nêu trên nên Tòa án cấp sơ thẩm không có cơ sở để xem xét miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông H1, bà T1 là đúng.

[3.2.2] Tại giai đoạn phúc thẩm ông H1, bà T1 đã làm đơn xin miễn án phí sơ thẩm và ông H1 làm đơn xin miễn án phí phúc thẩm. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận nội dung kháng cáo này của ông Hộ: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông H1 bà T1 và án phí dân sự phúc thẩm cho ông H1.

[4] Từ những phân tích, đánh giá như trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn về việc miễn án phí dân sự; Chấp nhận toàn bộ đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 30/2024/DS-ST ngày 20/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận theo hướng đã phân tích.

[5] Về chi phí tố tụng: Ngân hàng N đã nộp 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Buộc các bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn.

[6] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị đơn được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho bị đơn ông Phan Trọng H1.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên bố: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Phan Trọng H1 về việc miễn án phí dân sự.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 30/2024/DS-ST ngày 20/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận về án phí.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463 Bộ luật dân sự; Các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

Buộc bà Nguyễn Thị T1 và ông Phan Trọng H1 trả cho Ngân hàng N số tiền còn nợ tính đến ngày 20/6/2024 là: **829.313.375 đồng** (*Tám trăm hai mươi chín triệu ba trăm mười ba nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng*); trong đó: tiền nợ gốc là 646.000.000 đồng, tiền lãi 183.313.375 đồng (lãi trong hạn 156.717.831 đồng, lãi quá hạn 26.595.544 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/6/2024), bà Nguyễn Thị T1 và ông Phan Trọng H1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 4902-LAV-202000713 ngày 08/05/2020 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp số 83/HĐTC ngày 07/05/2020 giữa Ngân hàng và ông Phan Trọng H1, bà Nguyễn Thị T1, anh Phan Trọng Q và anh Phan Trọng Anh T2 để đảm trả nợ.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Nguyễn Thị T1 và ông Phan Trọng H1 trả cho Ngân hàng N 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

3. Về án phí:

- *Án phí dân sự sơ thẩm:*

Ngân hàng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng N 17.010.000 đồng (*Mười bảy triệu không trăm mười nghìn đồng*) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000394 ngày 18/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Bà Nguyễn Thị T1 và ông Phan Trọng H1 được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

- *Án phí dân sự phúc thẩm:*

Miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho ông Phan Trọng H1.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Đương sự (5);
- VKSND tỉnh Ninh Thuận (1);
- TAND thành phố PR-TC (1);
- Chi cục THADS thành phố PR-TC (1);
- Phòng KTNV & THA (1);
- Lưu hồ sơ, án văn, HC-TP (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Trang